

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22-10-2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Trương Công Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Công T; sinh năm 1969; cư trú tại: đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H; sinh năm 1968; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Trương Công T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với Bà Lê Thị Mỹ H là hàng xóm, láng giềng nên quen biết nhau từ khi Bà H còn sống ở Việt Nam; đến năm 1992, Bà H cùng gia đình qua Hoa Kỳ định cư theo diện bảo lãnh con lai. Đến năm 1995 thì Bà H về Việt Nam và kết hôn với ông; được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17 tháng 02 năm 1995. Sau đó, ông có làm hồ sơ để qua Hoa Kỳ định cư, nhưng biết ông ở Việt Nam có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên Bà H đã cắt mọi liên lạc với ông. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà H.

- Về con; tài sản chung; nợ chung: Ông và Bà Lê Thị Mỹ H không có con chung; không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Trương Công T đối với Bà Lê Thị Mỹ H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Ông Trương Công T là công dân Việt Nam; địa chỉ cư trú tại đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn Bà Lê Thị Mỹ H; địa chỉ cư trú tại Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn Bà Lê Thị Mỹ H bằng

đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Ông Trương Công T đối với Bà Lê Thị Mỹ H và yêu cầu Bà H gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đến ngày 07-12-2020, Tòa án nhận được văn bản thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ là ABC Legal về việc tổng đạt không thực hiện được do Bà Lê Thị Mỹ H không cư trú tại địa chỉ Tòa án ủy thác xác định. Sau khi có kết quả ủy thác tư pháp này thì nguyên đơn Ông Trương Công T không thể thực hiện việc cung cấp địa chỉ mới của Bà H theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên Ông T đã yêu cầu và được Tòa án Thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài là Ban đối ngoại (VOV5), Đài tiếng nói Việt Nam về thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ án xin ly hôn của Ông T đối với Bà H, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt Bà Lê Thị Mỹ H theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự nói trên.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn Bà Lê Thị Mỹ H của Ông Trương Công T thì thấy, do mâu thuẫn gia đình nên từ khoảng năm 2010 đến nay Bà H không còn trở về Việt Nam để gặp Ông T; giữa Ông T với Bà H không còn liên lạc, tin tức gì của nhau nữa, do đó hôn nhân của ông, bà là không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn Bà H của Ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Ông Trương Công T và Bà Lê Thị Mỹ H không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình Ông Trương Công T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài Ông Trương Công T phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 469 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Trương Công T đối với Bà Lê Thị Mỹ H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Ông Trương Công T được ly hôn với Bà Lê Thị Mỹ H.

2. Về án phí: Ông Trương Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002615 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng; Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài Ông Trương Công T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002639

ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng; Ông T đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp Ông Trương Công T phải chịu 2.211.600 đồng (Hai triệu, hai trăm mười một ngàn, sáu trăm đồng), Ông T đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Phiếu chuyển tiền ngày 30-6-2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Công T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Lê Thị Mỹ H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam

